|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG**TRƯỜNG THPT KẺ SẶT***(Đề gồm có 05 câu; 01 trang)* | **ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐỘI TUYỂN HSG 10****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 10***Thời gian làm bài: 180 phút*  |

Họ và tên học sinh:........................................................................; Số báo danh: ................................

**Câu I. (2,0 điểm):**

 1. Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh là gì? Tại sao chỉ khu vực nội chí tuyến mới có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh?

 2. Phân tích ảnh hưởng của nguồn cung cấp nước tới chế độ nước sông?

**Câu II. (1,0 điểm):**

 Phân biệt gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học? Tại sao ở nhiều nước đang phát triển chú ý đến việc giảm tốc độ gia tăng dân số, còn một số nước phát triển lại khuyến khích sinh đẻ?

**Câu III. (2 điểm):**

 1. Phân tích ảnh hưởng của thị trường và tiến bộ khoa học kĩ thuật đến phát triển ngành nông nghiệp.

2. Tại sao ngành công nghiệp thực phẩm có ý nghĩa to lớn trong xã hội công nghiệp hiện đại?

**Câu IV (3 điểm)** Cho bảng số liệu sau:

| **Số dân và sản lượng lương thực thế giới giai đoạn 2000 - 2019** |
| --- |
| **Tiêu chí Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2019** |
| Số dân thế giới (*triệu người*) | 6143,5 | 6541,9 | 6956,8 | 7379,8 | 7713,0 |
| Sản lượng lương thực (*triệu tấn*) | 2060,0 | 2114,0 | 2476,4 | 2550,9 | 2964,4 |
| Bình quân lương thực theo đầu người (*kg/người*) | 335,3 | 323,1 | 356,0 | 345,7 | 384,3 |

*(Nguồn: SGK và sách BT, Địa lí 10, bộ sách Cánh diều)*

 1. Hãy vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của thế giới giai đoạn 2000 - 2019.

 2. Nhận xét tốc độ tăng trưởng của các tiêu chí và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của thế giới giai đoạn 2000 - 2019.

**Câu V. (2 điểm):**

 1. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, xác định tên và các ngành sản xuất chính của các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng rất lớn, lớn của vùng Đồng bằng Sông Hồng. Tại sao vùng này tập trung nhiều trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

 2. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, chứng minh rằng diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta tăng nhanh và tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu diện tích cây công nghiệp. Tại sao diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

-----------**Hết**----------

***Học sinh được sử dung Átlát địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục VN;***

***Giáo viên coi thi không giải thích gì thêm.***

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG**TRƯỜNG THPT KẺ SẶT***(Đáp án – HDC gồm: 04 trang)* | **ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM** **ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐỘI TUYỂN HSG 10****NĂM HỌC: 2023 - 2024****MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 10** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **1** | **Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh là gì? Tại sao chỉ khu vực nội chí tuyến mới có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh?** | **1,00** |
|  | ***\** Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh:**- Hiện tượng Mặt Trời ở trên đỉnh đầu (tia nắng vuông góc với tiếp tuyến của bề mặt Trái Đất) vào lúc 12 h.- Hiện tượng này lần lượt xảy ra trong năm ở khu vực nội chí tuyến. Hiện tượng này xảy ra 1 lần duy nhất trong năm ở các địa điểm nằm trên đường chí tuyến, 2 lần ở các địa điểm nằm giữa 2 đường chí tuyến. Còn khu vực ngoại chí tuyến không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh.**\* Giải thích:**- Do hình dạng khối cầu của Trái Đất kết hợp với tia nắng.- Do trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương khi chuyển động quanh Mặt Trời *(Chuyển động tịnh tiến của Trái Đất quanh Mặt Trời).* | 0,250,250,250,25 |
| **2** | **Phân tích ảnh hưởng của nguồn cung cấp nước tới chế độ nước sông** | **1,00** |
|  | - Các nguồn cung cấp nước cho sông: nước mưa, băng tuyết tan và nước ngầm. Mỗi sông có thể có 1 hoặc nhiều nguôn cung cấp nước khác nhau nên chế độ nước sông có thể đơn giản hoặc phức tạp.*- Nước mưa:* Nguồn cung cấp nước sông là nước mưa thì chế độ nước sông sẽ phụ thuộc vào chế độ mưa (lượng mưa, mùa mưa) *(diễn giải);**- Băng tuyết tan:* Nếu nguồn cung cấp nước sông là băng tuyết tan thì mùa lũ thường vào mùa xuân (mùa băng tuyết tan) *(ví dụ…);**- Nước ngầm:* có vai trò điều hoà chế độ nước sông. Nơi có nguồn nước ngầm phong phú thì chế độ nước sông điều hoà hơn *(ví dụ…).* | 0,250,250,250,25 |
| **II** | **1** | **Phân biệt gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học**  | **0,50** |
|  | ***\* Giống nhau:***- Đều là quá trình biến đổi dân số trong những khoảng thời gian nhất định.- Ảnh hưởng đến dân số của các quốc gia và các khu vực.***\* Khác nhau:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Gia tăng tự nhiên** | **Gia tăng cơ học** |
| **Khái niệm** | Là sự gia tăng dân số do sự chênh lệch giữa số người sinh ra và số người chết đi trong một khoảng thời gian nhất định và trên một lãnh thổ nhất định. | Là sự gia tăng dân số do sự chênh lệch giữa số người xuất cư (những người rời khỏi nơi cư trú) và số người nhập cư (những người đến nơi cư trú mới). |
| **Cách tính** | Tỉ suất sinh thô – Tỉ suất tử thô. Đơn vị: %. | Tỉ suất nhập cư – tỉ suất xuất cư. Đơn vị: %. |
| **Nhân tố tác động** | - Tỉ suất sinh thô- Tỉ suất tử thô | - Kinh tế - xã hội: trình độ PT kinh tế, mức sống, việc làm, thu nhập…- Điều kiện tự nhiên, chuyển cư… |
| **Ý nghĩa** | Ảnh hưởng đến tình hình biến động dân số và được coi là động lực phát triển dân số. Tác động thường xuyên đến sự biến động dân số thế giới. | Không ảnh hưởng đến vấn đề biến động số dân của toàn thế giới nhưng có ý nghĩa quan trọng với dân số từng quốc gia, từng khu vực (làm thay đổi số lượng dân cư, cơ cấu tuổi, cơ cấu giới, các hiện tượng kinh tế - xã hội). Tác động không thường xuyên đến sự biến động dân số. |

 | 0,250,25 |
| **2** | **Tại sao ở nhiều nước đang phát triển chú ý đến việc giảm tốc độ gia tăng dân số, còn một số nước phát triển lại khuyến khích sinh đẻ?** | **0,50** |
|  | – Ở nhiều nước đang phát triển, tỉ suất sinh cao, sự gia tăng dân số quá nhanh và sự phát triển dân số không hợp lí đã và đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đối với kinh tế – xã hội và môi trường. Vì vậy, các nước này phải giảm tốc độ tăng dân số, điều chỉnh số dân cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội ở nước mình.– Ở một số nước phát triển có tỉ suất sinh rất thấp hoặc bằng 0, gia tăng tự nhiên bằng 0 hoặc âm, không đủ mức sinh thay thế, nên đang vấp phải nhiều khó khăn do không đủ lao động cho phát triển sản xuất, tỉ lệ người già cao. Ở các nước này, cần phải có chính sách khuyến khích sinh đẻ, các biện pháp ưu đãi cho gia đình đông con... | 0,250,25 |
| **III** | **1** | **Phân tích ảnh hưởng của thị trường và tiến bộ khoa học kĩ thuật đến phát triển ngành nông nghiệp.** | **1,00** |
|  | ***\* Tiến bộ khoa học kĩ thuật gồm:*** Cơ giới hóa, thủy lợi hóa, hóa học hóa, áp dụng công nghệ sinh học và thành tựu của cuộc cách mạng xanh…- Ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, sản lượng nông nghiệp, đã thúc đẩy NN PT, giúp cho nông nghiệp hạn chế được sự ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên (khai thác nước ngầm, phòng trừ sâu bệnh, tiêm vac xin phòng bệnh ...).VD: ĐBSCL đã xây dựng kênh rạch để thau chua rửa mặn và thoát lũ làm tăng diện tích trồng lúa và năng suất lúa.- Kết quả lai tạo nhiều giống tốt đã tạo ra nhiều cây trồng, vật nuôi có năng suất cao như gà, vịt siêu trứng, lợn siêu nạc...***\* Thị trường tiêu thụ gồm***: Thị trường trong và ngoài nước có chức năng tiêu thụ và trao đổi các sản phẩm nông nghiệp. - Ảnh hưởng đến giá cả, điều tiết sản xuất, hướng chuyên môn hóa trong nông nghiệp. - Tạo thuận lợi hay gây khó khăn cho SX nông nghiệp.VD: + Xuất khẩu các sản phẩm cây công nghiệp và cây ăn quả ở Việt Nam ngày càng mở rộng sang châu Úc, châu Mỹ, Châu Âu... làm SX cây ăn quả, cây công nghiệp ở nước ta ngày càng phát triển + Giá thu mua nông sản ở miền Trung Việt Nam ngày càng đắt và ổn định đã tạo điều kiện cho ngư dân yên tâm đánh bắt và nuôi trồng thủy sản…*(HS diễn đạt theo các cách khác nhưng vẫn đảm bảo các nội dung nêu trên thì vẫn cho điểm tối đa. HS không lấy ví dụ dẫn chứng cho các ý thì không cho tối đã số điểm của ý).* | 0,250,250,250,25 |
| **2** | **Tại sao ngành công nghiệp thực phẩm có ý nghĩa to lớn trong xã hội công nghiệp hiện đại?** | **1,00** |
|  | - Công nghiệp thực phẩm cung cấp các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu hàng ngày của con người về ăn, uống. Trong xã hội công nghiệp hiện đại, ý nghĩa của ngành này càng lớn.- Cung cấp các đồ ăn đủ dinh dưỡng để giúp con người phục hồi nhanh sức lao động và cần thuận tiện cho sinh hoạt.- Giải phóng cho những người nội trợ khỏi cảnh phụ thuộc vào bếp núc truyền thống.- Nhờ hoạt động chế biến, các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp được tăng thêm chất lượng, dễ bảo quản, thuận tiện cho việc vận chuyển và có giá trị trên thị trường. | 0,250,250,250,25 |
| **IV** | **1** | **Bảng kết quả xử lí số liệu:** | **0,50** |
| **Vẽ biểu đồ đường tốc độ:**+ Biểu đồ khác không cho điểm+ Đảm bảo đủ các tiêu chí.+ Nếu sai hoặc thiếu mỗi tiêu chí thì trừ 0,25 điểm | **1,50** |
| **2** | **Nhận xét và giải thích:** | **1,00** |
|  | ***\* Nhận xét:***- Số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của thế giới giai đoạn 2000 - 2019 đều tăng liên tục.- Sản lượng lương thực tăng nhanh nhất (1,44 lần), tiếp đến là số dân (1,26 lần), tăng chậm nhất là bình quân lương thực theo đầu người (1,15 lần).***\* Giải thích:***- Sản lượng lương thực của thế giới giai đoạn 2000 - 2019 tăng là do áp dụng thâm canh.- Bình quân lương thực tăng là do tốc độ tăng sản lượng lương thực nhanh hơn số dân. | 0,250,250,250,25 |
| **V** | **1** | **Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 22, xác định tên và các ngành sản xuất chính của các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng rất lớn, lớn của vùng Đồng bằng Sông Hồng. Tại sao vùng này tập trung nhiều trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?** | **1,00** |
|  | - Tên: Hà Nội, Hải Phòng- Các ngành sản xuất chính: dệt, may; da, giày; gỗ, giấy, xenlulô; giấy, in, văn phòng phẩm.- Giải thích:+ Có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.+ Gần nguồn cung cấp cấp nguyên liệu và cơ sở hạ tầng hiện đại hơn các nơi khác. | 0,250,250,250,25 |
| **2** | **Chứng minh rằng diện tích cây CNLN của nước ta tăng nhanh và tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu diện tích cây công nghiệp. Tại sao diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?** | **1,00** |
|  | **- Chứng minh:**+ Diện tích tăng nhanh (*dẫn chứng*).*Diện tích cây công nghiệp lâu năm của nước ta*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2005 | 2007 |
| Sản lượng (*nghìn ha*) | 1 451 | 1 633 | 1 821 |

(*Dẫn chứng số liệu minh chứng sự gia tăng nhanh, không dẫn chứng không cho điểm).*+ Tỉ trọng diện tích cây công nghiệp lâu năm ngày càng tăng (*dẫn chứng*).(*Dẫn chứng số liệu làm rõ tỉ trọng ngày càng tăng, không dẫn chứng không cho điểm).**Tỉ trọng diện tích cây công nghiệp lâu năm trong tổng diện tích cây công nghiệp nước ta*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2000 | 2005 | 2007 |
| Tỉ trọng (*%*) | 65,1 | 65,5 | 68,3 |

**- Giải thích:** Diện tích cây công nghiệp lâu năm nước ta tăng nhanh trong những năm qua, vì:+ Nước ta có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây công nghiệp lâu năm về địa hình, đất đai, khí hậu… (*phân tích*).+ Những thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội trong thời gian gần đây làm tăng nhanh diện tích cây công nghiệp lâu năm: thị trường nhu cầu lớn, giá trị cao; chính sách ưu tiên phát triển cây công nghiệp lâu năm của nhà nước, hình thành được các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm qui mô lớn; ... (*phân tích*)*.*(*Không diễn giải, phân tích thuyết phục, ở ý thứ nhất nhưng làm bật những điều kiện kinh tế - xã hội, những thay đổi mạnh mẽ* *về điều kiện này trong những năm qua thì vẫn cho điểm tối đa).* | 0,250,250,250,25 |
| **Tổng** | **Câu I + Câu II + Câu III + Câu IV + Câu V** | **10,00** |

-------------**HẾT**-----------